

Bản án số: 37 /2024/HNGĐ - ST
Ngày 31-7-2024
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 5, xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 5, xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 03 người con tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011; Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phạm Quỳnh N, Nguyễn Anh K1 giao con chung Nguyễn Anh K cho ông T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và bà H chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, bà H xin ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Ông T tôn trọng ý kiến của các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà H và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 03 người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011; Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phạm Quỳnh N, Nguyễn Anh K1; giao con Nguyễn Anh K cho ông T nuôi dưỡng. Ông T tôn trọng ý kiến của các con. Tại biên bản

ghi nhận ý kiến cháu N, cháu K1 có nguyện vọng được sống cùng với bà H, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với ông T. Do vậy, đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015 cho bà H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, bị đơn hiện cư trú tại xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Thanh T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà H và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 03 người con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011; Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phạm Quỳnh N, Nguyễn Anh K1; giao con Nguyễn Anh K cho ông T nuôi dưỡng. Ông T tôn trọng ý kiến của các con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu N, cháu K1 có nguyện vọng được sống cùng với bà H, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với ông T. Do vậy, HĐXX quyết định giao con chung Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015 cho bà H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh ngày 24/11/2013; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 07/11/2015 cho bà H nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/6/2011 cho ông T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003041 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh